

Tờ trình số 3

Về việc Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2018 và kế hoạch phát triển Công ty giai đoạn 2018-2022

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2017:

1. Đánh giá chung:

Năm 2017 là năm BSR phải đối mặt với các thách thức và nhiệm vụ lớn: thực hiện bảo dưỡng tổng thể nhà máy lần thứ 3, thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo quyết định của PVN/cơ quan thẩm quyền đã phê duyệt, triển khai đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất. Bằng sự nỗ lực hết sức của toàn thể cán bộ công nhân viên, BSR đã đạt được các thành tựu đáng khích lệ trong việc vận hành nhà máy, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ: Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) của BSR được đảm bảo: không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động. Tính hết năm 2017, công ty BSR đạt được 15 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công. Công việc được triển khai một cách chủ động, tốt và bám sát kế hoạch, chương trình đã đề ra. Các công việc được triển khai trên công trường đều được giám sát và yêu cầu tuân thủ đầy đủ các quy định về ATSKMT của Công ty. Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện an toàn, PCCC được thực hiện thường xuyên, sức khỏe người lao động được quan tâm chăm lo chu đáo.

Về vận hành: Năm 2017, Nhà máy vận hành liên tục, ổn định ở công suất trung bình 105% công suất thiết kế. BSR tiếp tục hoàn thiện và áp dụng các hệ thống quản lý nhằm tăng cường hơn nữa công tác vận hành an toàn Nhà máy điển hình như: Triển khai các giải pháp năng lượng và công nghệ, rà soát danh mục công việc và lộ trình cắt giảm, tối ưu hóa chi phí vận hành (OPEX). Công tác tối ưu hóa năng lượng tiếp tục được chú trọng và triển khai sâu rộng. Thực hiện các đề xuất cải thiện hiệu quả tiết kiệm năng lượng của Shell Global; Phân tích và lên phương án ngăn ngừa tương ứng các vấn đề tuổi thọ và hư hỏng của thiết bị, các vấn đề công nghệ, v.v. có thể xảy ra trong 5-10 năm tới theo kinh nghiệm của các chuyên gia O&M. Nghiên cứu tìm giải pháp giảm chỉ số EII trong toàn nhà máy để đạt mục tiêu, triển khai và áp dụng hệ thống quản trị an toàn công nghệ PSM theo tiêu chuẩn OSHA và CCPS vào kiểm soát an toàn trong hoạt động sản xuất, góp phần đảm bảo NMLD Dung Quất vận hành an toàn, tin cậy và giảm thiểu sự cố/ tai nạn.

Về bảo dưỡng Nhà máy: Công tác bảo dưỡng thường xuyên được tổ chức và thực hiện với nhiều cải tiến và tối ưu, đảm bảo tốt chất lượng và mục tiêu giữ vững ổn định và an toàn trong vận hành nhà máy. Đáp ứng tất cả các chỉ tiêu KPI đề ra về An toàn, Chất và Hiệu quả chi phí. Tổng số hạng mục công việc bảo dưỡng và sửa chữa đã thực hiện trong năm 2017 là 40.740 lượt bảo dưỡng phòng ngừa (PM) và 7.425 lượt sửa chữa (CM) cho khoảng 26.000 thiết bị được quản lý trên hệ thống CMMS. Các hạng mục công việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, quan trọng của các thiết bị tự động, thiết bị điện, thiết bị tĩnh và

tại xưởng sơn đều được thực hiện thành công. Công tác BDTT lần 3 đối với hơn 7.000 hạng mục thiết bị chính của nhà máy trong tháng 6, 7/2017 đã được hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, rút ngắn được tiến độ theo kế hoạch. Kết quả này đã và đang góp phần quan trọng trong việc đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, ổn định và liên tục trong thời gian đến.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018:

Các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh của BSR đều vượt mức kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

a. Kết quả SXKD năm 2017:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH/ KH
I	Chỉ tiêu sản lượng				
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.000.406	6.127.137	102,1%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.000.406	6.077.833	101,3%
II	Các chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	76.651	82.021	107,0%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6.944	7.712	111,1%
3	Nộp NSNN	Tỷ đồng	7.171	9.872	137,7%

b. Ước thực hiện kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	KH 6 tháng đầu năm 2018	Ước TH 6 tháng đầu năm 2018	% Ước TH 6 tháng đầu 2018/KH 6 tháng đầu 2018	% Ước TH 6 tháng đầu 2018/ KH 2018
I	Chỉ tiêu sản lượng						
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.302.381	3.125.290	3.534.089	113,1%	56,1%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.302.381	3.125.290	3.599.949	115,2%	57,1%
II	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	78.108	38.733	53.919	139,2%	69,0%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.480	1.726	2.699	156,4%	77,6%
3	Nộp NSNN	Tỷ đồng	8.336	4.134	5.678	137,4%	68,1%

B. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2018 ÷ 2022:

I. Mục tiêu chiến lược:

Mục tiêu chiến lược của BSR là xây dựng đơn vị trở thành một công ty lọc hóa dầu chủ động, năng động, có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế, đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh ở mức cao gắn liền với bảo vệ môi trường, an toàn và tích

cực tham gia hoạt động an sinh xã hội. Các mục tiêu chính Công ty đề ra cho giai đoạn 2018 - 2022:

- Tập trung tổ chức hoạt động sản xuất an toàn, ổn định, hiệu quả, làm chủ công nghệ và bền vững.
- Cơ bản hoàn thiện Dự án NCMR NMLD Dung Quất vào năm 2020 và tiến hành kết nối vào năm 2021, đưa cụm Dự án NCMR đi vào hoạt động an toàn, ổn định và đạt hiệu quả cao từ năm 2022.

II. Định hướng phát triển của Công ty:

1. Định hướng phát triển tổng quát:

Với phương châm “An toàn – Hiệu quả – Bền vững”, Công ty đã xây dựng cho mình các nguyên tắc phát triển cơ bản để không chỉ thực hiện được các mục tiêu kinh tế mà còn đảm bảo được các mục tiêu về xã hội và môi trường, hướng đến sự phát triển bền vững:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu là chủ đạo.
- Sản phẩm luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.
- Tối ưu năng lực hiện có, đẩy mạnh nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất để nâng cao tính hiệu quả và đảm bảo phát triển bền vững.
- Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư với các đối tác có uy tín và tiềm lực nhằm khai thác các lợi thế, cơ hội và chia sẻ rủi ro.

2. Chiến lược kinh doanh:

Trong giai đoạn 2018 - 2022, trên cơ sở đánh giá về môi trường kinh doanh nêu trên, Công ty xác định quan điểm và mục tiêu thực hiện chiến lược kinh doanh như sau:

Nguồn nguyên liệu

- Giai đoạn đầu trước khi NCMR hoàn thành:

Ổn định và duy trì ở mức hợp lý nguồn cung dầu thô trong nước: Công ty sẽ hoàn thiện danh sách dầu thô cơ bản thay thế dầu thô Bạch Hổ và danh sách dầu thô phối trộn phù hợp với cấu hình hiện tại của Nhà máy. Trong đó, Công ty sẽ tập trung vào nghiên cứu các loại dầu thiết kế cơ sở/phối trộn tiềm năng cho Nhà máy sau NCMR và mở rộng rõ dầu phối trộn tiềm năng (hiện tại 57 loại) cho Nhà máy giai đoạn trước NCMR từ các khu vực Trung Đông, Nga và các nước Liên bang Xô viết cũ, khu vực Tây và Bắc Phi, khu vực Đông Nam Á và Việt Nam;

Tăng khối lượng sử dụng dầu thô có % lưu huỳnh cao nhằm tận dụng tối đa công suất phân xưởng thu hồi lưu huỳnh (SRU);

Tích cực thực hiện các biện pháp giảm hao hụt dầu thô;

Áp dụng các công cụ tài chính phái sinh nhằm hạn chế các rủi ro trong biến động giá gây ra trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Giai đoạn từ khi hoàn thành dự án NCMR:

Công ty sẽ chủ động thay thế hoàn toàn dầu thô Bạch Hổ (hoặc dầu thô Bạch Hổ chỉ đóng vai trò là dầu thô phối trộn) để tăng hiệu quả kinh tế theo cấu hình mới của

Nhà máy sau khi dự án NCMR hoàn thành. Loại dầu thô cơ bản dự kiến sẽ sử dụng sau khi dự án NCMR được hoàn thành là ESPO và Murban (tỷ lệ 70/30). Dầu phối trộn là các loại dầu nhập khẩu khác và tất cả các loại dầu Việt Nam phù hợp với khả năng chế biến của Nhà máy sau khi NCMR;

Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào: dầu thô có API và độ chua trung bình, Naphtha, Residue, Khí (khí Cá Voi Xanh), Propylene để chế biến các sản phẩm lọc hóa dầu.

Sản xuất và chất lượng sản phẩm

Công ty sẽ thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng công tác vận hành và bảo dưỡng NMLD Dung Quất để đảm bảo Nhà máy hoạt động an toàn tuyệt đối, đặt mục tiêu thực hiện thành công lần sửa chữa lớn thứ IV (TA IV) vào năm 2020 và hoàn thành kết nối cụm dự án NCMR vào năm 2021.

Mặt khác, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tối ưu hóa vận hành, sản xuất NMLD Dung Quất nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phấn đấu công suất hoạt động hằng năm đạt và vượt 98% công suất thiết kế.

Song song với việc tối ưu hóa quá trình vận hành sản xuất, Công ty cũng sẽ triển khai các giải pháp nhằm đa dạng hóa sản phẩm có giá trị cao hơn các sản phẩm hiện có, thực hiện các giải pháp để giảm lỗ cho các sản phẩm có hiệu quả kinh tế chưa cao như FO và LPG. Sau khi dự án NCMR hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện sản xuất các sản phẩm khác như Asphalt, xăng và DO cao cấp (theo tiêu chuẩn Euro V), sản phẩm hóa dầu đi từ nguồn khí Cá Voi Xanh và các sản phẩm MTBE, Carbon Black, Reformate Residue.

Công ty cũng đặt mục tiêu từng bước nâng dần chất lượng sản phẩm đầu ra để tiệm cận chuẩn mức 4 theo QCVN 1:2015/BKHCN (Hiện tại Công ty dựa trên một số cải hoán nhỏ đã có thể sản xuất được xăng với chất lượng mức 3 theo QCVN 1:2015/BKHCN (RON95-III)). Sau NCMR, Công ty dự kiến sẽ nâng được chuẩn sản phẩm đầu ra lên EURO V để phù hợp với lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải được quy định tại Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Bán hàng và thị trường tiêu thụ

Công ty sẽ triển khai các giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách về thời gian và địa lý từ nhà máy đến nơi tiêu thụ của các sản phẩm cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Bên cạnh đó, Công ty sẽ phát triển các thị trường chiến lược tại khu vực Miền Trung và Miền Nam. Mặt khác, Công ty sẽ tiến hành các biện pháp nhằm nâng cao năng lực kho chứa nhằm tối đa hóa lượng sản phẩm phân phối của Nhà máy như nghiên cứu thị trường, địa điểm và khả năng phân phối tiêu thụ sản phẩm.

Đồng thời, Công ty sẽ tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng phân phối sản phẩm, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, phát triển hệ thống kho chiến lược như thuê kho hoặc hợp tác đầu tư kho với các đơn vị đầu mối, đặc biệt ở thị trường phía Nam.

Nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như đa dạng hóa ngành nghề, Công ty sẽ thực hiện gia công chế biến xuất khẩu (Deem processing). Cùng với đó, Công ty sẽ đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới như: nghiên cứu nhập Naphtha để tăng hiệu quả hoạt động của CCR, nghiên cứu nhập LSWR để tăng hiệu

quả hoạt động của RFCC, phát triển dòng sản phẩm mới như nhựa đường, xăng trắng...

Mặt khác, các biện pháp tăng cường quản lý, nắm bắt thông tin thị trường/khách hàng nhằm kiểm soát tốt công tác điều độ sản xuất, quản lý hàng tồn kho và điều tiết phương án kinh doanh hợp lý sẽ được lên kế hoạch chi tiết để triển khai. Đồng thời, Công ty cũng chú trọng xây dựng một hệ thống quản trị thông tin để có thể tiến hành thu thập thông tin thống kê của khách hàng thông qua các kênh của các công ty đầu mối, bao gồm: thông tin về các đại lý/hộ tiêu thụ/khách hàng công nghiệp chính sử dụng sản phẩm; cơ cấu tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy theo vùng/miền/địa phương; phản hồi về chất lượng sản phẩm của NMLD Dung Quất. Công ty sẽ xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng hợp lý và khoa học nhằm tiết giảm chi phí và phân phối một cách hiệu quả đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng.

Song song với các công tác trên, Công ty hướng đến xây dựng chính sách bán hàng theo hướng linh hoạt với thị trường nhằm hỗ trợ tối đa, kịp thời cho khách hàng trong việc tiêu thụ sản phẩm của NMLD Dung Quất. BSR sẽ đồng hành cùng với khách hàng, coi khách hàng là trọng tâm trong hoạt động bán hàng, tiến đến đối tác tin cậy để cùng nhau phát triển. Việc xây dựng và quản trị nhóm khách hàng này cần có cơ chế chia sẻ thông tin và cơ chế hợp tác bền vững trên tinh thần đảm bảo lợi ích lâu dài cho các bên.

Công tác đầu tư phát triển và công tác nghiên cứu thị trường, phân tích đánh giá các cơ hội phát triển thị trường sẽ được đẩy mạnh. Đồng thời, việc sử dụng các công cụ tài chính phái sinh là cần thiết nhằm bảo hiểm các rủi ro về thị trường và biến động giá, ổn định sản xuất kinh doanh.

Chiến lược đầu tư

Một trong những mục tiêu trọng tâm của Công ty trong giai đoạn 2018-2022 đó là đảm bảo tiến độ và hoàn thành đầu nối dự án NCMR vào năm 2021. Dự án NCMR đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty, là đòn bẩy để Công ty nâng cao năng lực sản xuất của mình lên một tầm cao mới, hướng đến tiêu chuẩn sản phẩm đầu ra đạt chất lượng EURO V. Các cấu phần đầu tư mới, bổ sung và phụ trợ trong nội dung của dự án NCMR bao gồm:

- Bổ sung một số phân xưởng công nghệ mới, nâng công suất của các phân xưởng công nghệ hiện hữu để nâng công suất chế biến của toàn nhà máy lên 8,5 triệu tấn/năm. Đáng chú ý, trong các phân xưởng công nghệ mới có phân xưởng chưng cất chân không (Vacuum Distillation Unit) sẽ tạo điều kiện để Công ty sản xuất đến sản phẩm cuối cùng của lọc – hóa dầu là parafin (nhựa đường);
- Bổ sung thêm một phao rót dầu không bến (SPM) cho phép tàu có tải trọng tới 300.000 DWT cập bến;
- Cảng xuất sản phẩm: nâng cấp 2 bến xa bờ cho phép xuất tàu có tải trọng tới 50.000 DWT, các bến gần bờ cho phép xuất tàu có tải trọng tới 30.000 DWT;
- Bổ sung thêm các bể chứa dầu thô, bể chứa trung gian và sản phẩm phù hợp với Quyết định số 1139/2009/QĐ-TTg, trong đó dung lượng chứa tương ứng với 15 ngày vận hành liên tục và 01 tàu có tải trọng lớn nhất (300.000 DWT) đối với bể chứa dầu thô; 7 ngày vận hành liên tục đối với các bể chứa trung gian; 10 ngày vận hành liên tục và 01 tàu có tải trọng lớn nhất đối với bể chứa sản phẩm.

III. Kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2018 - 2022:

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch: Theo bộ thông tin giả định cơ sở tại Phương án CPH đã được Chính phủ phê duyệt, trong đó tính đến cập nhật KH 2018 đã được Tập đoàn DKVN giao nhiệm vụ cho BSR với những thông tin chính gồm:

- Về công suất và thời gian vận hành SXKD: Năm 2018: 100% công suất thiết kế (theo kế hoạch PVN phê duyệt tại nghị Quyết số 8298/NQ-DKVN ngày 27/12/2017). Giai đoạn 2019-2021: 103% công suất thiết kế; Năm 2022: 100% công suất thiết kế (ngoại trừ thời gian để kết nối với dự án NCMR). Thời gian bảo dưỡng tổng thể: 50 ngày (cho năm 2020, theo KH 5 năm đã duyệt); Thời gian dừng kết nối NM hiện hữu với NCMR: Dừng nhà máy 30 ngày CS 0% (từ 01-30/11/2021), khởi động nhà máy 14 ngày CS 0% (từ 01-14/12/2021), chạy thử kiểm tra đặc tính kỹ thuật và IA CS 90% (từ 15/12/2021-15/3/2022), thời gian còn lại của năm 2022 vận hành với 100% công suất thiết kế.
- Cơ chế tài chính: Theo Quyết định số 1725/QĐ-TTg ngày 3/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
- Bộ giá dầu thô và sản phẩm: Theo dự báo của tư vấn quốc tế Nexant.
- Thời gian khấu hao: Theo khung thời gian quy định hiện hành.

2. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất:

Sản phẩm	Đơn vị	2018*	2019	2020	2021	2022
RON92/E5 RON92	nghìn tấn	506	1.486	1.282	1.349	2.608
RON95	nghìn tấn	866	997	860	826	-
RON97	nghìn tấn	-	-	-	18	409
Jet A-1	nghìn tấn	245	131	113	138	660
Nhiên liệu diesel (DO)	nghìn tấn	1.163	3.333	2.875	2.902	3.079
FO	nghìn tấn	61	90	77	80	120
LPG	nghìn tấn	252	423	365	366	345
PP	nghìn tấn	82	153	132	133	148
Propylen	nghìn tấn	-	-	-	-	-
Lưu huỳnh	nghìn tấn	1	6	5	7	36
Asphalt	nghìn tấn	-	-	-	20	446
Tổng	nghìn tấn	3.177	6.618	5.709	5.840	7.851
Dầu thô tiêu thụ	nghìn tấn	3.462	7.164	6.180	6.331	8.696

Ghi chú:

(*): Kế hoạch 2018 tính từ thời điểm bắt đầu chuyển thành CTCP ngày 01/7/2018. Cơ

cầu sản lượng năm 2018 được tính toán cập nhật phù hợp với tình hình nhu cầu thực tế của khách hàng, đảm bảo tối ưu các sản phẩm có biên lợi nhuận tốt, mang lại hiệu quả cho công ty.

3. Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	2018*	2019	2020	2021	2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.371	108.130	95.520	98.325	133.401
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu .</i>	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.371	108.130	95.520	98.325	133.401
Giá vốn hàng bán	36.456	99.419	88.258	91.696	125.877
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.915	8.711	7.263	6.629	7.524
Doanh thu hoạt động tài chính ..	4	597	428	710	1.023
Chi phí tài chính	351	1.286	1.477	1.427	3.155
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>205</i>	<i>276</i>	<i>200</i>	<i>177</i>	<i>2.100</i>
Chi phí bán hàng	489	1.004	898	907	1.143
Chi phí quản lý doanh nghiệp ..	232	299	290	291	358
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	1.847	6.719	5.025	4.713	3.891
Thu nhập khác	-	44	39	41	56
Chi phí khác	-	52	46	48	66
Lợi nhuận (lỗ) khác	-	(8)	(7)	(7)	(10)
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế.....	1.847	6.711	5.018	4.706	3.881
Thuế TNDN phải nộp	92	336	251	235	194
Thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN	1.754	6.376	4.767	4.471	3.687
ROE.....	5,50%	17,43%	11,92%	10,54%	8,32%
VCSH	32.759	38.684	41.281	43.582	45.098
Vốn điều lệ.....	31.005	31.005	31.005	31.005	31.005
Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ ...	7,00%	7,00%	7,00%	7,00%	7,00%

4. Kế hoạch đầu tư:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022
-----	----------	-----	------	------	------	------	------

+	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.289	10.772	10.284	13.957	4.803
-	<i>Dự án NCMR NMLD Dung Quất</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>757,84</i>	<i>10.153</i>	<i>9.411</i>	<i>13.612</i>	<i>4.700</i>
-	<i>Vốn tài trợ cho các dự án khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>531,16</i>	<i>619</i>	<i>873</i>	<i>345</i>	<i>103</i>

✓ **Nhu cầu vốn đầu tư:**

✓ **Kế hoạch tiến độ dự án NCMR NMLD Dung Quất:**

- Đã hoàn thành thẩm định thiết kế FEED và dự toán Dự án NCMR NMLD Dung Quất. Dự kiến Thiết kế FEED và dự toán được phê duyệt trong tháng 8/2018.
- Dự kiến hoàn thành công tác Lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng EPC tháng 5/2019.

C. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Nhiệm vụ kế hoạch:

- a. Vận hành NMLD Dung Quất đảm bảo an toàn, ổn định, làm chủ công nghệ, tối ưu năng lực hiện có, phấn đấu vận hành nhà máy ở công suất tối ưu để nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững;
- b. Triển khai đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất theo đúng kế hoạch, tiến độ đề ra, cụ thể:
 - + Hoàn thành công tác rà phá bom mìn, vật nổ;
 - + Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu EPC và triển khai hợp đồng;
 - + Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu san lấp mặt bằng, xây dựng hàng rào, các hạng mục xây dựng cơ bản khác và triển khai hợp đồng;
 - + Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu PMC giai đoạn EPC và triển khai hợp đồng;
 - + Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn thu xếp vốn và triển khai hợp đồng;
 - + Phối hợp với các cấp có thẩm quyền hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư và nhận mặt bằng sạch cho Dự án.
- c. Thực hiện công tác đầu tư XD CB và mua sắm TTB & TS đảm bảo tiến độ, hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.
- d. Tối đa hóa việc tự chủ trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa bằng chính năng lực/nội lực của BSR, giảm thiểu việc sử dụng các dịch vụ kỹ thuật bên ngoài, nhất là sử dụng các dịch vụ có yêu cầu Vendor, chuyên gia O&M, các dịch vụ kỹ thuật dài hạn.
- e. Quản lý hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật: Liên tục thực hiện rà soát, cập nhật và hoàn thiện để góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, tiết giảm chi phí sản xuất.

- f. Công tác NCKH, tối ưu hóa sản xuất: Áp dụng triệt để các giải pháp tiết giảm tiêu hao nguyên liệu, năng lượng, phụ trợ và vật tư thiết bị... sử dụng cho sản xuất để ngày càng tiết giảm và tiệm cận với chuẩn các NMLD tiên tiến trong khu vực và trên thế giới và theo ý kiến tư vấn, khuyến cáo của Solomon, SGS.
- g. Công tác quản trị:
- + Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu trong hoạt động SXKD;
 - + Hoàn thiện các hệ thống quản trị rủi ro, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh, bảo dưỡng sửa chữa, công nghệ thông tin;
 - + Rà soát tổng thể các quy trình quản lý/quản trị, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính theo hướng xử lý công việc nhanh gọn, hiệu quả.
- h. Công tác kinh doanh: Tập trung cao độ, nhạy bén nắm bắt thị trường và khách hàng để tiến tới đa dạng về phương thức thanh toán, công thức tính giá và chủng loại sản phẩm. Đặc biệt là các sản phẩm có chất lượng cao, xây dựng được các hợp tác dài hạn với khách hàng chủ chốt song song với mở rộng danh sách khách hàng, xây dựng phương án xuất khẩu sản phẩm;
- i. Tiếp tục triển khai đề án Xây dựng đội ngũ chuyên gia và tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí cụ thể trong Công ty.

2. Kế hoạch sản lượng:

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018 PVN đã phê duyệt	Kế hoạch năm 2018 của CTCP (Quý III+IV/2018)
I	Tổng sản lượng	Tấn	6.302.381	3.177.091
1	Polypropylene	Tấn	162.823	82.081
2	LPG	Tấn	500.799	252.458
3	Xăng Mogas 92-E5	Tấn	44.337	506.277
4	Xăng Mogas 91/92	Tấn	959.963	
5	Xăng Mogas 95	Tấn	1.718.678	866.402
6	JET A1	Tấn	486.611	245.305
7	Dầu DO	Tấn	2.307.138	1.163.050
8	Dầu FO	Tấn	120.175	60.581
9	Lưu huỳnh	Tấn	1.858	937

3. Kế hoạch tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 PVN đã phê duyệt	Kế hoạch năm 2018 của CTCP (Quý III+IV/2018)
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	32.759	32.759
	<i>Trong đó: -Vốn điều lệ cuối kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.005</i>	<i>31.005</i>

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018 PVN đã phê duyệt	Kế hoạch năm 2018 của CTCP (Quý III+IV/2018)
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	78.108	39.371
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.663	1.847
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.480	1.754
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	9,5%	5,50%
6	Tỷ lệ chia cổ tức/ vốn điều lệ	%		3,5%

Ghi chú:

- Kế hoạch PVN đã phê duyệt theo Nghị Quyết số 8289/NQ-DKVN ngày 27/12/2017 được xây dựng cho toàn bộ năm tài chính 2018.

- Kế hoạch 2018 của Công ty Cổ phần: tính từ thời điểm bắt đầu chuyển thành CTCP dự kiến vào ngày 01/7/2018.

4. Kế hoạch vốn đầu tư:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Kế hoạch năm 2018 của CTCP (Quý III+IV/2018)
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.289	855,82
a	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	831	505,82
b	Mua sắm TTB & TSCĐ	Tỷ đồng	458	350,00
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.289	
a	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.289	855,82
	- Trong đó tăng Vốn điều lệ	Tỷ đồng	0	0
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0	0

Chi tiết các dự án đầu tư như tại bảng 01 đính kèm.

Trên đây là kế hoạch SXKD năm 2018 và kế hoạch phát triển Công ty giai đoạn 2018-2022 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.